TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **259/**2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 11-8-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Bùi Văn Xuyền và bà Bùi Thị Việt Nga**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Khánh Duy**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 21-5-2025, về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 228/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: khu 4, xã T, tỉnh P; Hiện ở: số 258/10 thị trấn H, huyện V, Đ (Trung Quốc).

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm 1993; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã T, thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, Thành phố H. Sau khi kết hôn, chị và anh Nguyễn Văn B chung sống hạnh phúc cùng nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị và anh Nguyễn Văn B không hoà hợp về tính cách, không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau, đời sống vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Từ năm 2022 mẫu thuẫn vợ chồng căng thẳng trầm trọng, chị và anh Nguyễn Văn B đã sống ly thân. Cũng từ đó đến nay vợ chồng không thường xuyên liên lạc. Năm 2023, chị sang Đ (T) để làm việc. Trong quá trình làm việc tại Đ (T), chị và anh Bhỉ giữ liên lạc với nhau qua điện thoại, không có điều kiện gần gũi,

chia sẻ do đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Trong suốt quá trình mâu thuẫn, chị và anh Nguyễn Văn B đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội, ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hoà giải, đoàn tụ nhưng không thành. Việc phải duy trì cuộc hôn nhân không còn tình cảm và có quá nhiều mâu thuẫn khiến cả chị và anh B vô cùng mệt mỏi, ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của hai bên. Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/2021. Hiện nay, cháu Nguyễn Tuấn P đang sinh sống cùng với bố đẻ là anh Nguyễn Văn B tại T, S. Vì vậy, khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Phong, chị đề nghị Toà án giao cháu Phong cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 17 tháng 7 năm 2025, bị đơn anh Nguyễn Văn B có quan điểm: Về tình cảm: Anh xác nhận chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan từ năm 2022. Cũng từ thời gian này mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng kéo dài không thể khắc phục, vợ chồng sống ly thân, kinh tế độc lập hoàn toàn riêng biệt. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn không có khả năng đoàn tụ và đồng ý ly hôn chị T. Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/2021. Ly hôn anh đồng ý nhận trực tiếp nuôi cháu P và mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị T đóng góp là: 1.500.000 đồng/tháng. Về tài chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt hợp lệ. Tại đơn đề nghị, chị T giữ nguyên ý kiến trình bày tại đơn khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T là người Việt Nam, hiện ở nước ngoài - thành phố Đ, Đ (T), bị đơn anh Nguyễn Văn B hiện đang cư trú tại thôn X, xã T, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đã đảm bảo thủ tục theo quy định.

Về nội dung: Về tình cảm: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/2021. Hiện nay, cháu P đang ở cùng anh B. Vì vậy, khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Phong nên giao con chung cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000đồng đồng/tháng nên ghi nhận.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T là người Việt Nam, hiện ở nước ngoài (Trung Quốc), bị đơn Nguyễn Văn B đang cư trú tại thôn Xuân Sơn, xã T, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của anh Nguyễn Văn B có sự chứng kiến của trưởng thôn Xuân Sơn, xã T và tống đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn B. Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T đều có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27-11-2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc ghi ý kiến của anh Nguyễn Văn B; bản tự khai của chị T cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện:

Quá trình anh chị chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp. Năm 2022, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B sống ly thân, vợ chồng không thường xuyên liên lạc. Từ năm 2023, chị Nguyễn Thị T đã xuất cảnh sang Đ (T) để làm việc, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ do đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế, vợ chồng chị T và anh B đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy, giữa anh chị không có sự quan tâm chia sẻ, chăm sóc giúp đỡ nhau. Với thực trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay khẳng định giữa anh chị không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời khai của anh B thể hiện quan điểm thống nhất với chị T và đồng ý ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn B là có căn cứ cần được chấp nhận. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh B.

[2.2]. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/2021. Hiện cháu Phong đang ở cùng anh B. Chị T có nguyện vọng giao cháu P cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000đồng. Yêu cầu của chị T phù hợp thống nhất với nguyện vọng của anh B nên giao cháu Phong cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với thực tế (cháu P đang ở với anh B) và phù hợp với pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000 đồng/tháng, anh B đồng ý với mức cấp dưỡng này nên ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu: Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 25/9/2021. Giao cháu Nguyễn Tuấn P cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0079563 ngày 21/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(Một)* tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã T, thành phố. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tú